

Số 2350 /BGDDT-GDTC
V/v hướng dẫn tổng kết 10 năm
thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW
ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2022

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo¹

Thực hiện Kế hoạch của Ban Tuyên giáo Trung ương tại công văn số 2123-CV/BTGTW ngày 13/12/2021 về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị “về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới” (sau đây viết tắt là Chỉ thị 20), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xây dựng kế hoạch tổ chức Hội nghị tổng kết Chỉ thị 20 trong toàn ngành Giáo dục, nội dung cụ thể như sau:

Để có cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị số 20 và nghiên cứu đề xuất phương hướng nhiệm vụ, giải pháp, kiến nghị để nâng cao sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới” nhằm phát triển về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn tiếp theo, Bộ GDĐT yêu cầu các Sở GDĐT triển khai các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW tại đơn vị
 - Đánh giá những kết quả đạt được theo nhiệm vụ trọng tâm của chỉ thị số 20-CT/TW đã đề ra, tập trung đánh giá những nội dung
 - Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới.
 - Công tác tuyên truyền, giáo dục và vận động.
 - Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về trẻ em.
 - Xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em.
 - Công tác phối hợp liên ngành trong lĩnh vực thực hiện quyền trẻ em, việc bảo đảm quyền trẻ em trong thiên tai, dịch bệnh nhất là trước tác động của đại dịch Covid-19.

¹ Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu

- Việc ưu tiên bố trí nguồn lực cho công tác trẻ em.
- Việc mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện quyền trẻ em.
- Sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nhà trường, gia đình và cộng đồng...

2. Những khó khăn, hạn chế khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW nêu rõ được những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, từ đó đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp, kiến nghị để nâng cao sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền nhằm tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới trong giai đoạn tiếp theo.

3. Ngoài báo cáo tổng kết theo nội dung hướng dẫn nêu trên, các đơn vị quán triệt việc tổng hợp số liệu báo cáo theo Đề cương gửi kèm.

Báo cáo của Quý đơn vị gửi về Bộ GDĐT trước ngày 16 tháng 6 năm 2022 theo địa chỉ: Vụ Giáo dục Thể chất, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội (đ/c Nguyễn Anh Tuấn, Chuyên viên Vụ GDTC, điện thoại: 0976.04.2222, email: natuangdtc@moet.gov.vn).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Ban Tuyên Giáo Trung ương (để b/c);
- Bộ LĐTB-XH (để p/h);
- BCS Đảng Bộ GDĐT (để b/c);
- Văn phòng Bộ (để p/h);
- Công Thông tin Bộ GDĐT (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ GDTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC THỂ CHẤT



Nguyễn Thanh Đề

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá 10 năm thực Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị “về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới”

(Kèm theo Kế hoạch số 597 /KH-BGDDĐT ngày 01 tháng 6 năm 2022)

Tên đơn vị:

I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 20-CT/TW

1. Kết quả ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị từ năm 2012 đến nay (Thống kê đầy đủ văn bản đã ban hành)

STT	Cơ quan ban hành	Tên văn bản	Ngày ban hành
1			
2			
3			

2. Hoạt động kiểm tra/giám sát, đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW
(đánh dấu X hoặc điền thông tin ô tương ứng)

	Kiểm tra/giám sát		Sơ kết, tổng kết			
	Không	Có, nêu rõ hình thức	Không	Có, nêu rõ thời gian		
				3 năm	5 năm	Khác (ghi rõ)
Sở Giáo dục và Đào tạo	☐	☐	☐	☐	☐	

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Số liệu cơ bản về dân số trẻ em và tình hình trẻ em

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2016	2021
1	Dân số trẻ em				
1.1	Số trẻ em dưới 16 tuổi	Người			
1.2	Tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi/tổng dân số	%			
1.3	Số trẻ em dưới 6 tuổi	Người			
1.4	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi/tổng dân số	%			
1.5	Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT/tổng số trẻ dưới 6 tuổi	Số lượng			
1.6	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 đến 18 tuổi	Người			

1.7	Tỷ lệ người chưa thành niên từ 16 đến 18 tuổi/tổng dân số	%			
II.	Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Người			
1	Trẻ em mồ côi cha mẹ	Người			
2	Trẻ em bị bỏ rơi	Người			
3	Trẻ em không nơi nương tựa	Người			
4	Trẻ em khuyết tật	Người			
5	Trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS	Người			
6	Trẻ em vi phạm pháp luật	Người			
7	Trẻ em nghiện ma túy	Người			
8	Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở.	Người			
9	Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực.	Người			
10	Trẻ em bị bóc lột	Người			
11	Trẻ em bị xâm hại tình dục	Người			
12	Số trẻ em bị mua bán	Người			
13	Số trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo	Người			
14	Số trẻ em di cư, trẻ em bị lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc người chăm sóc	Người			
III	Trẻ em có hoàn cảnh khác	Người			
1	Trẻ em bị tai nạn thương tích	Người			
2	Trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích	Người			
3	Trẻ em bị tử vong do tai nạn đuối nước	Người			
4	Trẻ em bị tử vong do tai nạn giao thông	Người			

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về trẻ em của sở Giáo dục và Đào tạo

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2016	2021
I	Bảo vệ trẻ em				
2	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em	%			
3	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	Số lượng			
4	Số trẻ em bị bạo lực	Số lượng			
5	Tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em	Số lượng			
6	Tỷ lệ trẻ em và người chưa thành niên	Số lượng			
7	Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích	Số lượng			
8	Tỷ lệ trẻ em gặp thiên tai thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời	%			
9	Tỷ lệ giảm số cuộc tảo hôn hằng năm	%			
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh	%			

II	Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ				
1	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%			
2	Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện	%			
3	Tỷ suất tử vong của trẻ em sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống	%			
4	Tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%			
5	Tỷ suất tử vong của trẻ em 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống	%			
6	Tỷ suất trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%			
7	<i>Thể cân nặng theo tuổi</i>	%			
8	<i>Thể chiều cao theo tuổi</i>	%			
9	<i>Thể béo phì</i>	%			
10	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%			
11	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%			
12	Tỷ lệ cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh	%			
III	Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em				
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội.	%			
2	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	%			
3	Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	%			
4	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc, giáo dục tạo các cơ sở giáo dục mầm non	%			
5	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tạo các cơ sở giáo dục mầm non	%			
6	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học	%			
7	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học	%			
8	Tỷ lệ trẻ em bỏ học ở bậc tiểu học	%			
9	Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở	%			
10	Tỷ lệ trẻ em đi học đúng độ tuổi cấp trung học cơ sở	%			
11	Tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở	%			
12	Tỷ lệ trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em	%			
13	Tỷ lệ nhà trường có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh sinh viên khuyết tật.	%			
14	Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và phục hồi chức năng phù hợp.	%			
15	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục có khu vui chơi dành cho trẻ em	%			
IV	Sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em				
1	Tỷ lệ trẻ em từ 7 tuổi trở lên được hỏi ý kiến các vấn đề về trẻ em với các hình thức phù hợp	%			

2	Tỷ lệ trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em	%			
3	Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên tham gia các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia trẻ em	%			
4	Tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp	%			

3. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục

STT	Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục	ĐVT	2012	2016	2021
1	Số sản phẩm truyền thông về lĩnh vực trẻ em được sản xuất ở địa phương.				
	Trong đó:				
1.1	Số chương trình phát thanh/truyền hình về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến.	Chương trình			
1.2	Số chuyên trang/chuyên mục trên báo/tạp chí/mạng truyền thông về thực hiện quyền trẻ em được phổ biến.	Đầu chương trình, Chuyên mục			
1.3	Số lượng các hoạt động truyền thông khác	Hoạt động, sự kiện			

4. Tổ chức, bộ máy làm công tác trẻ em của ngành giáo dục

STT	Số lượng cán bộ làm công tác trẻ em	ĐVT	2012	2016	2021
1	Cấp sở (Tổng số)	Người			
	<i>Chuyên trách</i>	Người			
	<i>Kiểm nhiệm</i>	Người			
2	Cấp phòng (Tổng số)	Người			
	<i>Chuyên trách</i>	Người			
	<i>Kiểm nhiệm</i>	Người			
3	Cấp trường (Tổng số)	Người			
	<i>Chuyên trách</i>	Người			
	<i>Kiểm nhiệm</i>	Người			

5. Kinh phí dành cho công tác bảo vệ trẻ em

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2016	2021
1	Tổng ngân sách dành cho công tác trẻ em	Triệu đồng			
1.1	Nguồn bố trí từ nguồn ngân sách địa phương (bao gồm cả nguồn thực hiện chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em; cấp cho hoạt động của quỹ Bảo trợ trẻ em)	Triệu đồng			
1.2	Trong đó: Ngân sách bố trí cho các chương trình/kế hoạch/đề án của Thủ tướng Chính phủ	Triệu đồng			
1.3	Ngân sách do thành phố, quận, huyện, thị xã bố trí (không tính nguồn ngân sách do tỉnh phân bổ về)	Triệu đồng			

1.4	Ngân sách do xã, phường, thị trấn bố trí (không tính nguồn ngân sách do tỉnh phân bổ về)	Triệu đồng			
1.5	Các nguồn kinh phí vận động khác	Triệu đồng			
1.6	Vận động Quỹ bảo trợ trẻ em địa phương (các cấp)	Triệu đồng			
1.7	Vận động từ các tổ chức quốc tế	Triệu đồng			
1.8	Mức phụ cấp cho công tác viên sở, phòng, trường	Người			

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

(ký tên và đóng dấu)